

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/8/2023.
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH HÀ TĨNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Lê Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và Ông Trịnh Xuân Minh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:** Không.

Ngày 18/8/2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2023/TLST-HNGĐ ngày 26/4/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXX - HNGĐ ngày 07/7/2023 và **Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2023**, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Trần Đình H; sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn 2, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

2. **Bị đơn:** Chị Trần Thị Thanh N; sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn 2, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn Trần Đình H trình bày:

Về tình cảm: Anh Trần Đình H và Chị Trần Thị Thanh N đăng ký kết hôn vào ngày 15/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại thôn 2, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến cuối năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn với lý do giữa vợ chồng trong làm ăn, buôn bán có thua lỗ nên bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến vợ chồng sống không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất hòa không thể chia sẻ cùng nhau, không thể tìm được tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2022 cho đến nay đã cắt đứt mọi quan hệ. Nay anh H nhận thấy tình cảm vợ

chồng không còn nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn với **chị Trần Thị Thanh N.**

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Trần Đình Huy K, sinh ngày 19/4/2014 và Trần Ngọc K L, sinh ngày 26/7/2017, anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho được nuôi hai con và không yêu cầu **chị Trần Thị Thanh N phải cấp dưỡng nuôi con.**

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn **chị Trần Thị Thanh N** tại bản tự khai ngày 04/5/2023 và tại phiên hòa giải ngày 09/5/2023 trình bày:

Về thời gian và nơi đăng ký kết hôn của vợ chồng như anh H đã trình bày là đúng (hai người chung sống với nhau có con sau đó mới đi đăng ký kết hôn). Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại **thôn 2, xã P**, huyện H, vợ chồng sống hạnh phúc sinh được hai người con, đến đầu năm 2022 chị đi làm ăn tại Thành phố Hồ Chí Minh, anh H ở nhà làm đơn xin ly hôn, nguyên nhân mâu thuẫn không có gì lớn, đã sống ly thân nhau từ tháng 3/2023. Tuy nhiên, nếu anh H kiên quyết ly hôn thì chị N đồng ý ly hôn với anh Trần Đình H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như anh H trình bày là đúng, chị N cũng yêu cầu Tòa án giải quyết cho được nuôi hai con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong bản tự khai vào ngày 04/5/2023 chị N trình bày vợ chồng có các loại tài sản: Đất và nhà ở tại **thôn 2, xã P**, huyện H; đồ dùng sinh hoạt trong gia đình; xe ô tô; nợ ngân hàng số tiền 820.000.000đ để đầu tư mua xe ô tô, chị đề nghị giải quyết chia tài sản chung theo qui định, nhưng chị N không cung cấp được tài liệu chứng cứ kèm theo và không làm đơn yêu cầu phản tố đề yêu cầu giải quyết chia tài sản.

Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và Hòa giải tại Tòa án ngày 09/5/2023 các bên đương sự đã có ý kiến thỏa thuận thỏa thuận: Về tình cảm: **Chị Trần Thị Thanh thuận tình** ly hôn với anh Trần Đình H; Về con Chung: Các bên đương sự thỏa thuận **chị Trần Thị Thanh N** được quyền nuôi hai con chung tên Trần Ngọc K L và Trần Đình Huy K và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Anh Trần Đình H nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn. Chị N nhất trí đồng ý kiến đã thỏa thuận nhưng chưa ký vào các biên bản và có Đơn trình bày lý do là để hai bên tự giải quyết với nhau về tài sản xong trước ngày 15/5/2023 thì mới ký, hết ngày 15/5/2023 chị N không đến Tòa án để có ý kiến.

Xét thấy việc cung cấp tài liệu, chứng cứ là cần thiết cho việc giải quyết vụ án, ngày 17/5/2023 Tòa án nhân dân huyện H đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với **chị Trần Thị Thanh N để thực hiện quyền của mình theo đúng qui định của pháp luật.**

Tòa án đã tiến hành hòa giải tiếp lần 2 để hai bên có thể thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng chị N không có mặt để giải quyết. Do các bên

đương sự không thể không thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, nên vụ án phải đưa ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: **Anh Trần Đình H** có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện H giải quyết ly hôn, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn **chị Trần Thị Thanh N**, có địa chỉ cư trú tại **thôn 2, xã P**, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Hà Tĩnh.

[2] Bị đơn **chị Trần Thị Thanh N** đã biết được tòa án thụ lý vụ án, có mặt tại Tòa án để nộp bản tự khai, có tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án tiến hành hòa giải lần hai chị N vắng mặt, do các bên không thỏa thuận được với nhau. Vì vậy vụ án phải đưa ra xét xử. Tòa án đã triệu tập họp lệ phiên tòa lần thứ nhất nhưng bị đơn vắng mặt nên hoãn phiên tòa, đã tổng đạt họp lệ quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn. Phiên tòa lần thứ 2 bị đơn vẫn vắng mặt, thư ký phiên tòa do công việc đột xuất không thể tham gia phiên tòa được nên hoãn phiên tòa, đã thông báo cho bị đơn biết đã được tiếp nhận quyết định hoãn phiên tòa. **Phiên tòa lần thứ 3 được mở lại vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 18/8/2023** nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, bị đơn có gửi qua Zalo của Thẩm phán đơn xin hoãn phiên tòa vì lý do đang chờ Công ty giải quyết cho tạm nghỉ nên không thể về tham gia phiên tòa xét xử được, đơn không có xác nhận của công ty. Xét việc vắng mặt của bị đơn không thuộc sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó việc vắng mặt của bị đơn để gây trở ngại cho việc xét xử nên không được chấp nhận. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: **Anh Trần Đình H** và **chị Trần Thị Thanh N** kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 15/9/2016 nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo anh H trình bày: Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian đến năm 2021 thì nảy sinh mâu thuẫn. Lý do giữa vợ chồng chung sống với nhau không đồng quan điểm với nhau, bất đồng về quan điểm trong cuộc sống do làm ăn buôn bán có thua lỗ nên dẫn đến cãi cọ nhau, giữa vợ chồng sống không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất hòa không thể chia sẻ cùng nhau, không tìm được tiếng nói chung vợ chồng sống ly thân đã cắt đứt mọi quan hệ tình cảm. HĐXX nhận thấy vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nữa. Việc anh H làm đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Trần Đình Huy K, sinh ngày 19/4/2014 và Trần Ngọc K L, sinh ngày 26/7/2017. Anh H và chị N đều có nguyện vọng được nuôi con, không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Việc giao con chưa thành niên cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét từ việc xem xét hoàn cảnh và điều kiện thực tế của người được trực tiếp nuôi con phải đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con để các con phát triển khỏe mạnh, bình thường. **Chị Trần Thị Thanh N có nguyện vọng được nuôi con nhưng đang đi làm ăn xa và hiện tại không có mặt tại địa phương.** Xét thấy ý kiến cháu Trần Đình Huy K có nguyện vọng được cha nuôi dưỡng, hiện nay hai con đang do anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nên giao cho anh H trực tiếp nuôi các con là phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay. Vì vậy, HĐXX căn cứ vào Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao hai con tên Trần Đình Huy K và Trần Ngọc K L cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh H không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét. Chị **Trần Thị Thanh N** có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cấm theo quy định tại Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Trường hợp sau này đương sự có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì được giải quyết theo điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Nguyên đơn không có yêu cầu giải quyết chia tài. Bị đơn không có đơn yêu cầu phản tố chia tài sản chung và chưa nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án chưa thụ lý giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này các đương sự có yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn thì được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: **Anh Trần Đình H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu của **anh Trần Đình H** được ly hôn với **chị Trần Thị Thanh N**.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai con chung là Trần Đình Huy K, sinh ngày 19/4/2014 và Trần Ngọc K L, sinh ngày 26/7/2017 cho **anh Trần Đình H** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Chị Trần Thị Thanh N được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: **Anh Trần Đình H** nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn. H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007903 ngày 25/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, nay không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Chi cục THADS H;
- Lưu hồ sơ +VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Tiến

Trịnh Xuân Minh

Lê Văn Phú